PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged): 05 -06- 2024

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No): 309/24/CBMP-ĐN

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Bình

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM

TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☑ Đánh dấu vào ô thích hợp *(Tick where applicable)*

THÔNG TIN SẢN PHẨM

PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1. Nhãn hàng (Brand)

B	I	O	R	É																					

1.2. Tên sản phẩm (Product Name)

B	I	O	R	É		U	V		A	Q	U	A		R	I	C	H		W	A	T	E	R	Y			
E	S	S	E	N	C	E		S	P	F	5	0	+	/	P	A	+	+	+	+								

1.3. Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

_____

_____

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

□ Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ….)

Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)

□ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)

Face masks (with the exception of chemical peeling products)

□ Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)

Tinted bases (liquids, pastes, powders)

□ Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,….

Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.

□ Xà phòng rửa tay, xà phòng khử mùi,…..

Toilet soaps, deodorant soaps, etc

□ Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,….

Perfumes, toilet waters and eau de Cologne

□ Sản phẩm để tắm (muối, sữa, xà phòng, dầu, gel,….)

Bath or shower preparations (salts, lotions, foams, soaps, oils. gels, etc)

□ Sản phẩm tẩy lông

Depilatories